

## MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Phạm Thị Thu Hương<sup>1</sup>, Đinh Hồng Linh<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế & QTKD - Trường Đại học Hùng Vương

<sup>2</sup>Trường Đại học Kinh tế &

QTKD - ĐH Thái Nguyên

### TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, xuất khẩu lao động (XKLD) được đánh giá là một trong những ngành dịch vụ đem lại hiệu quả cao về mặt kinh tế - xã hội đối với mỗi quốc gia, đặc biệt đối với các nước kinh tế kém phát triển. Hoạt động này đem lại lợi ích cho tất cả các bên tham gia: bên XKLD, bên nhập khẩu lao động và bản thân người lao động. Tuy nhiên, hoạt động này đã gặp không ít những khó khăn và chưa phát huy hết tiềm năng vốn có khi Việt Nam là nước có nguồn nhân lực dồi dào. Kết quả nghiên cứu là cơ sở góp phần đẩy mạnh hoạt động XKLD của Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế quốc tế hóa, toàn cầu hóa - một trong những giải pháp phát huy tiềm năng nhân lực dồi dào của nước ta.

**Từ khóa:** Xuất khẩu lao động, Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, Thị trường xuất khẩu lao động, Số lượng lao động xuất khẩu, Thực trạng xuất khẩu lao động

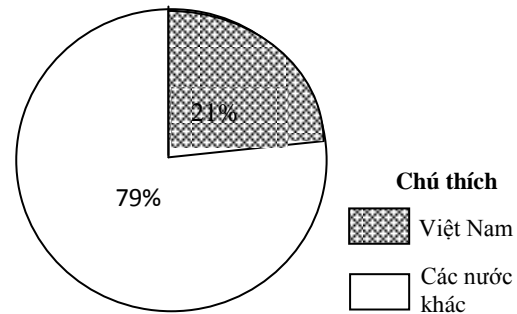
### ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, với xu thế quốc tế hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế, việc hợp tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (hay còn gọi là XKLD) là hiện tượng phổ biến như một tất yếu của xã hội. Giải quyết việc làm thông qua XKLD đã trở thành một lĩnh vực hoạt động đem lại lợi ích kinh tế - xã hội quan trọng cho nhiều quốc gia, nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi giải quyết vấn đề việc làm và thất nghiệp đang là một bài toán hóc búa đối với các nền kinh tế.

Việt Nam là một nước có nguồn nhân lực dồi dào, theo số liệu của Tổng Cục Dân số ngày 01/04/2009, dân số Việt Nam là 85.789.573 triệu người; trong đó trên 46 triệu người trong độ tuổi lao động, chiếm gần 55% dân số cả nước, với tỷ lệ thất nghiệp năm 2009 là 4,66%. Để có thể tạo được sự cân bằng giữa lao động và việc làm thì Việt Nam sẽ phải tạo thêm hàng triệu công ăn việc làm nữa cho người lao động. Trước tình hình đó, XKLD đóng một vai trò quan trọng, vì nó có thể góp phần giải quyết được hai mục tiêu quan trọng của đất nước. Thứ nhất là mục tiêu kinh tế, XKLD góp phần mang lại nguồn thu ngoại tệ cho quốc gia, tăng thu nhập cho người lao động và gia đình họ. Thứ hai là mục tiêu xã hội, góp phần giải quyết việc làm cho một bộ

phận không nhỏ lao động trong nước, tạo sự ổn định cho xã hội.

Theo Cục quản lý lao động ngoài nước, trong vòng ba thập niên qua đã có hơn một triệu người Việt Nam đi XKLD ở 40 quốc gia trên thế giới tương đương với 21% thị phần của Việt Nam trên thị trường XKLD. Như vậy, ta có thể thấy lợi thế của một nước đông dân chưa được khai thác triệt để.



**Biểu đồ 1.** Thị phần xuất khẩu lao động của Việt Nam trên thế giới

Nhìn trên biểu đồ có thể thấy, thị phần của Việt Nam chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ, 21% thị phần còn lại hoặc là của quốc gia khác hoặc là còn để trống. Như vậy, cơ hội cho chúng ta còn rất nhiều. Vấn đề là làm thế nào chúng ta giành lại hoặc chiếm lĩnh được 79% thị phần còn lại?

MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

\*Tel: 0903468919; Email: honglinhhd@yahoo.com

### Mục tiêu nghiên cứu

- Phân tích thực trạng XKLD ở Việt Nam.
- Đề xuất một số giải pháp góp phần đẩy mạnh hoạt động XKLD ở Việt Nam.

### Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Bài nghiên cứu chủ yếu đi sâu vào nghiên cứu thực trạng hoạt động XKLD ở Việt Nam và từ đó đề ra các giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động XKLD Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2015.

### Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu được tổng hợp từ nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như: Phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu; phương pháp tổng hợp và phân tích, phương pháp thống kê và so sánh, kết hợp nghiên cứu lý luận với phân tích thực tiễn.

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### Thực trạng hoạt động xuất khẩu lao động ở Việt Nam

##### Những kết quả đạt được

Thứ nhất là đã giải quyết được việc làm cho hàng chục vạn lao động. Hàng năm, số người đến độ tuổi lao động ở nước ta là trên dưới một triệu người. Do nền sản xuất trong nước chưa phát triển và mức độ chênh lệch giữa phát triển kinh tế giữa các vùng tương đối lớn, tình trạng thất nghiệp ở thành thị và bán thất nghiệp ở nông thôn còn chưa có giải pháp hữu hiệu để giải quyết. XKLD đã góp phần giải quyết việc làm cho hàng chục vạn lao động trong nước. Theo số liệu tổng hợp của Cục quản lý lao động ngoài nước, tính đến 8/2010, Việt Nam đã đưa được 51575 lao động đi làm việc ở nước ngoài; 11 tháng đầu năm 2010 các doanh nghiệp XKLD trên cả nước đã đưa được 75.850 người đi làm việc ở nước ngoài, trong đó Đài Loan vẫn đứng đầu bảng về tiếp nhận lao động Việt Nam và số lượng này chiếm hơn 1/3 tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài, tiếp đến là Malaysia với 9.479 người, Hàn Quốc 7.693 người, Nhật Bản 4.215 người, Lào 5.447 người, Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE) 5.049 người, Libya 4.644 người, Campuchia 3.236 người, Ả rập Xêút 2.511 người... [4].



Thứ hai, thị trường tiếp nhận lao động Việt Nam được củng cố, ổn định và mở rộng một cách có chọn lọc phù hợp với sự vận động của thị trường.

Nếu như trước đây, chúng ta chỉ đưa lao động đi làm việc ở 10 - 15 nước và vùng lãnh thổ thì hiện nay, lao động Việt Nam đã có mặt tại 40 nước và vùng lãnh thổ. Mặc dù có những biến động lớn về kinh tế và chính trị ở khu vực và trên thế giới, các thị trường truyền thống tiếp nhận số lượng lớn lao động Việt Nam vẫn được tăng cường và ổn định, như: Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... Đồng thời, chúng ta đã mở rộng được thị trường XKLD sang những thị trường, những ngành nghề ít chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và phù hợp với lao động Việt Nam như Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE), Ba Lan, Cộng hòa Ca-dắc-xtan, Lybia...

Báo cáo từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, tính đến ngày 30/7/2010, có 169 doanh nghiệp đã được cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người đi XKLD. Song song với việc tiến hành tuyển dụng, đào tạo nhằm triển khai Quyết định 71/2009/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh XKLD góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2009 - 2020, các doanh nghiệp cũng đã tiến hành những bước thăm dò đối với một số thị trường lao động mới, khó tính như Anh, Australia, Mỹ, Síp, Cộng hòa Séc... Tại thị trường Australia, hiện nay có 5 - 6 doanh nghiệp tham gia thí điểm khai

thác; tại Mỹ có 2 doanh nghiệp. Tuy con số này quá ít ỏi nhưng nó cũng là những hạt mầm cho việc mở rộng thị phần XKLD của Việt Nam trên thế giới.

*Thứ ba, xuất khẩu lao động của Việt Nam ngày càng được cải thiện về chất lượng lao động và đã hình thành một lực lượng lao động có kỹ năng, tay nghề và lối sống công nghiệp.*

Theo thống kê, lao động xuất khẩu qua đào tạo ngày càng tăng, năm 2006 là 31,9%; năm 2007 là 34,5%, lao động có tay nghề tăng từ 35% (năm 2003) lên 50% (năm 2008). Các hoạt động về xuất khẩu lao động từng bước có hiệu quả và đi vào nề nếp, đã tạo cho người lao động xuất khẩu có thu nhập gửi về gia đình, tính bình quân mỗi năm, người lao động Việt Nam ở nước ngoài gửi về nước từ 1,6 tỷ USD đến 2 tỷ USD, riêng thị trường Hàn Quốc với gần 50.000 lao động, mỗi năm gửi về nước trên 700 triệu USD, Nhật Bản hơn 300 triệu USD [3].

Phần lớn những người đi làm việc ở nước ngoài trong thời gian qua là lao động phổ thông, lao động có tay nghề thấp, chỉ có một số lao động là chuyên gia, kỹ thuật viên. Thông qua XKLD, do tiếp xúc với khoa học công nghệ tiên tiến, lao động Việt Nam với đức tính cần cù và trí thông minh đã tiếp thu được trình độ chuyên môn, kỹ thuật tiên tiến, nâng cao trình độ ngoại ngữ và nâng cao kỹ luật lao động, tác phong công nghiệp, đây cũng là điều kiện tốt để từng bước đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước khi họ trở về nước. Họ là nguồn vốn quý cho nước ta trong việc góp phần xây dựng đất nước.

### **Những hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trước nhu cầu hội nhập và cạnh tranh gay gắt thì công tác XKLD của Việt Nam vẫn còn tồn tại những hạn chế cần tập trung giải quyết:

*Thứ nhất*, thị trường xuất khẩu lao động của Việt Nam tập trung chủ yếu vào một số thị trường cũ như Malaysia, Hàn Quốc, Đài Loan... trong đó, các thị trường tiềm năng có thu nhập cao như Mỹ, Anh, Pháp thì chúng ta mới chỉ đang tìm hiểu một cách dè dặt chứ

chưa có những chính sách mang tính chiến lược, bút phá.

Ngành nghề XKLD của chúng ta chỉ hạn chế như ngành xây dựng, vận tải biển, giúp việc gia đình, thuyền viên tàu cá, dệt may, khán hộ công trong viện dưỡng lão...; trong khi đó các ngành nghề đòi hỏi tay nghề và trình độ như các ngành công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng... thì số lượng lao động của chúng ta còn khiêm tốn.

*Thứ hai*, mặc dù tỷ lệ lao động được đào tạo đã tăng lên nhưng trình độ, kỹ năng chuyên sâu của nhiều lao động Việt Nam chưa thích ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động nước ngoài, lao động của chúng ta xuất khẩu chủ yếu là lao động thủ công, tay nghề chưa cao, ngoại ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu của các đối tác nước ngoài.

Theo báo cáo của Cục Quản lý lao động ngoài nước, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo xuất khẩu đi các nước của nước ta ước khoảng 25 - 30%, ý thức kỷ luật làm việc chưa cao, ý thức tuân thủ hợp đồng của người lao động còn yếu kém nên vẫn còn tồn tại tình trạng lao động Việt Nam ở một số thị trường (Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc...) phá vỡ hợp đồng lao động để ra làm việc ngoài. Đây là điều đáng báo động vì nó ảnh hưởng xấu đến hàng chục nghìn người lao động đang làm việc nghiêm chỉnh theo hợp đồng và làm cho giới sử dụng lao động e ngại khi tuyển lao động Việt Nam.

*Bên cạnh đó* còn nhiều hạn chế ảnh hưởng tới sự phát triển công tác XKLD của Việt Nam như sự cạnh tranh không lành mạnh của một số doanh nghiệp xuất khẩu lao động, chưa có chính sách và sự gắn kết các tổ chức trong việc bố trí sử dụng số lao động đã hoàn thành hợp đồng về nước, chưa có một chiến lược toàn diện và lâu dài cho lĩnh vực này...

### **Nguyên nhân**

Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, có thể nêu ra một số nguyên nhân chính sau:

*Một là* chúng ta chưa tạo được một cơ chế thuận lợi để người lao động tiếp cận được các nguồn thông tin về các vấn đề liên quan đến

hoạt động XKLD. Sự thiếu thông tin khiến cho những người lao động dễ bị lừa đảo và không cân nhắc được hết các lợi ích và rủi ro của mình.

*Hai là* việc thành lập các trung tâm, các tổ chức có chức năng XKLD tăng nhanh khiến công tác quản lý của các cơ quan có chức năng gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, cả nước có 169 doanh nghiệp có chức năng XKLD, các doanh nghiệp này mở các trung tâm, các cơ sở tràn lan và bán giấy phép XKLD khiến cho việc kiểm tra, giám sát càng trở nên khó khăn và tình trạng vi phạm pháp luật xảy ra càng phổ biến.

Hơn nữa, năng lực và trình độ của các doanh nghiệp XKLD Việt Nam hiện nay còn thấp. Trong tổng số 169 doanh nghiệp XKLD thì chỉ có 1/3 doanh nghiệp đảm bảo được một số tiêu chí chính như: tìm kiếm được các đơn hàng hấp dẫn, tạo nguồn nhân lực và phù hợp với yêu cầu của đối tác, có các cơ sở đào tạo nghề hoặc chủ động hợp tác với cơ sở đào tạo nghề để tạo nguồn... Còn lại 2/3 doanh nghiệp năng lực và trình độ ở mức trung bình và thấp.

*Ba là* hệ thống pháp luật điều chỉnh nội dung XKLD còn hạn chế, đặc biệt là trong vấn đề xử lý các sai phạm. Các chế tài tỏ ra thiếu mạnh mẽ và cứng rắn khiến cho việc tôn trọng pháp luật còn yếu.

### **Một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu lao động Việt Nam**

*Một là cần nâng cao chất lượng nguồn lao động.* Các doanh nghiệp XKLD cần đầu tư chuẩn bị tốt nguồn lao động có nghề và trình độ nghề cao, các doanh nghiệp cần thực hiện tốt công tác đào tạo người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài, đảm bảo tất cả người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài đều được tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức về phong tục, tập quán, pháp luật có liên quan của nước tiếp nhận lao động, quyền nghĩa vụ của người lao động đi làm việc theo hợp đồng để cho người lao động nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của họ khi làm việc ở nước ngoài; cần làm gì, ứng xử thế nào để giữ uy tín và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc Việt Nam trước

bạn bè quốc tế... Bên cạnh đó, cần lồng ghép đào tạo ngoại ngữ trong quá trình đào tạo nghề, cung cấp vốn từ vựng sát với công việc người lao động sẽ đảm nhiệm.

Mặc dù đây là giải pháp lâu dài, nhưng chúng ta có cơ sở để thực hiện từng bước, vì Nhà nước đã có quy định chuẩn hóa hệ thống các Trường, các Trung tâm dạy nghề, đang chuẩn hóa chứng chỉ nghề trong phạm vi cả nước. Tại Quyết định 33/2006 QĐ/TTg ngày 07-02-2006 của Thủ tướng Chính Phủ đã khẳng định cần phát triển công tác XKLD một cách có hiệu quả và bền vững với mục tiêu cho năm 2010 và 2015 là hàng năm Việt Nam đưa 10 vạn lao động đi làm việc ở nước ngoài, đến năm 2010, số lượng lao động có nghề đạt 70%, các nghề cao trở lên đạt 30% và tới năm 2015 con số đó tương ứng là 100% và 40% [1].

*Hai là phát triển thị trường.* Trong công tác phát triển thị trường, Đảng và Nhà nước ta đã có định hướng chung là phải có chiến lược mở rộng thị trường XKLD, củng cố thị trường truyền thống, giữ và phát triển thị trường hiện có, khai thông các thị trường mới.

Các doanh nghiệp cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của mình để lựa chọn và quyết định đầu tư vào những thị trường thích hợp và có hiệu quả, không nên đầu tư dàn trải sẽ dẫn đến tình trạng lãng phí nguồn lực [5].

*Ba là cần đưa vấn đề này vào trong một tổng thể của chiến lược phát triển kinh tế, trong đó điểm mấu chốt là giải quyết công ăn việc làm cho mọi người có khả năng lao động.* Việc xây dựng cơ sở hạ tầng, việc thu hút FDI, việc dùng ngân sách để yểm trợ các dự án phát triển công nghiệp phải hướng vào điểm mấu chốt đó. Việc hoạch định chính sách theo hướng đó và công bố rộng rãi chính sách này sẽ làm người dân tin tưởng vào tương lai đất nước, thấy an tâm là mình sẽ không bị bỏ rơi trong quá trình phát triển và như vậy giảm được áp lực tham gia XKLD [2].

*Bốn là với cơ quan quản lý về XKLD.* Cần có một tổ chức nghiên cứu về thị trường lao động ngoài nước, cung cấp cho các doanh nghiệp XKLD và các trường dạy nghề về dự báo nhu cầu lao động thuộc các ngành nghề

của các nước và khu vực. Tính toán và cung cấp kết quả nghiên cứu về hiệu quả kinh tế cho từng địa bàn, cho từng loại việc để các doanh nghiệp XKLD và người lao động hiểu và cân nhắc nên lựa chọn đi theo đơn hàng nào để có hiệu quả nhất, phù hợp với khả năng kinh tế và trình độ tay nghề, sức khỏe của mình.

*Năm là đối với việc thành lập các tổ chức hoạt động XKLD*, phải có những quy định chặt chẽ hơn để hạn chế những đơn vị không có đủ điều kiện, không đúng chức năng. Việc thanh lọc các đơn vị này sẽ giúp hạn chế các hành vi tiêu cực. Các doanh nghiệp cần phải công bố thông tin một cách công khai, minh bạch về các điều kiện, thủ tục, tiêu chuẩn tuyển chọn, mức lương và nhất là chi phí XKLD đối với từng thị trường; chỉ đạo và quản lý chặt chẽ các chi nhánh, trung tâm hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

*Sáu là hoạt động XKLD là một hoạt động cần có sự phối hợp giữa các các quốc gia có mối quan hệ XKLD*. Trong quá trình hợp tác này, chúng ta cần phải ký kết các điều ước quốc tế để tạo ra sự thuận lợi cho hoạt động XKLD, cũng như có những cơ chế hữu hiệu nhất để bảo vệ quyền và lợi ích của người Việt Nam lao động ở nước ngoài.

#### KẾT LUẬN

Đối với nước ta, con người luôn là một vốn quý, là lợi thế, là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển đất nước. Là một quốc gia có nguồn nhân lực dồi dào, người Việt Nam cần cù, sáng tạo, có khả năng tiếp thu nhanh khoa học công nghệ, trong điều kiện hiện nay, nền kinh tế quốc gia còn gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn đầu tư còn hạn hẹp, cơ sở kỹ thuật vật chất cũ kỹ và chưa được đầu tư đúng mức, với lợi thế về nhân lực chúng ta hoàn toàn có thể phát triển nâng cao nền kinh tế - xã hội thông qua XKLD, coi đây như là một thế mạnh của quốc gia. XKLD đã và đang đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và giải quyết các nhu cầu xã hội. Chính vì vậy, việc nghiên cứu lĩnh vực XKLD là một vấn đề phức tạp và cấp bách hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Lao động thương binh và xã hội *Đề án đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia giai đoạn 1999 - 2010*, ngày 24/08/1999.
- [2]. Nguyễn Phúc Khanh (2004), *Xuất khẩu lao động với chương trình quốc gia về việc làm - Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
- [3]. Nguyễn Thị Phương, Trung tâm Luật so sánh, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, “Hoạt động xuất khẩu lao động ở Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị”, 18/11/2010, [www.diendan.az24.vn](http://www.diendan.az24.vn)
- [4]. Nguyễn Sơn, “Xuất khẩu lao động Việt Nam: chưa xứng tiềm năng”, *Báo Kinh doanh* số 60, ra ngày 04/10/2010.
- [5]. Vũ Lâm Thời (2008), “Xuất khẩu lao động Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, *Chuyên đề Công thương - Nông nghiệp, Tạp chí số 3*.

## SUMMARY

**SOME MEASURES TO IMPROVE LABOUR - EXPORTING IN VIETNAM****Phạm Thị Thu Hương<sup>1\*</sup>, Đinh Hồng Linh<sup>2</sup>**<sup>1</sup>*Faculty of Economics and Business Administration - Hung Vuong University*<sup>2</sup>*Thai Nguyen University of Economics and Business Administration*

In recent years, Vietnam's labour-exporting activities have made some considerable progress. It bring benefits for export partner, import partner and include employee. However, these activities have faced difficulties and haven't made full use of their own potentiality. The research's result is the foundation of promoting the labour-exporting activities of Vietnam in such an age of internationalized global economy, one of the solutions to develop the abundant human resource potentiality of our country

**Keys words:** *Labour export, develop labour export, Labour export market, The number of labour export, The real situation of labour export*

---

\* Tel: 0903468919; Email: [honglinhd@yahoo.com](mailto:honglinhd@yahoo.com)